

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 4 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Võ Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Bà và ông Lê Văn T quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 04/9/2003 nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con cái. Từ đó không tìm được tiếng nói chung, khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà và ông T

đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được nên bà làm đơn này yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung tên Lê Trúc A (nữ) sinh ngày 25/5/2002, Lê Thị Gia K (nữ) sinh ngày 07/02/2012 và Lê Gia K (nam) sinh ngày 25/3/2016. Hiện con chung Lê Trúc A đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Riêng hai con chung tên Lê Thị Gia K và Lê Gia K có nguyện vọng được sống cùng bà nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu được tự thỏa thuận nếu sau này phát sinh tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Lê Văn T trình bày tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/3/2023, ông thống nhất với lời trình bày của bà M về quá trình dẫn đến kết hôn, ông và bà M tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 04/9/2003 nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, nguyên nhân là do ông thường xuyên đi làm xa, ít có thời gian về nhà để chăm sóc gia đình, nay bà M gửi đơn lên Tòa án yêu cầu được ly hôn với ông nhưng ông không đồng ý, do ông còn thương vợ con và muốn hàn gắn tình cảm gia đình.

Về con chung: Ông và bà M có 03 con chung tên Lê Trúc A (nữ) sinh ngày 25/5/2002, Lê Thị Gia K (nữ) sinh ngày 07/02/2012 và Lê Gia K (nam) sinh ngày 25/3/2016. Hiện con chung Lê Trúc A đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Riêng hai con chung tên Lê Thị Gia K và Lê Gia K hiện đang sống với ông, nếu ly hôn ông yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu bà M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu được tự thỏa thuận nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M, bị đơn ông Lê Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Lê Văn T; Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Gia K (nữ) sinh ngày 07/02/2012 và Lê Gia K (nam) sinh ngày 25/3/2016 cho bà Nguyễn Thị Trúc M nuôi dưỡng, ông T chưa

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà M chưa yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Lê Văn T không ai được quyền cản trở. Đối với con chung tên Lê Trúc A (nữ) sinh ngày 25/5/2002 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Do các đương sự yêu cầu được tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét, giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Lê Văn T sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 04/9/2003 nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T và yêu cầu giải quyết con chung; Ông Lê Văn T có địa chỉ cư trú tại Ấp 2, thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M, bị đơn ông Lê Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bà M và ông T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Lê Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 04/9/2003 nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 không thể giải quyết được nên đã ly thân đến nay, bà M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con cái. Từ đó không tìm được tiếng nói chung, khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M đã nhiều lần khuyên nhủ để có thể hàn gắn gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi. Ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nay bà M gửi đơn lên Tòa án yêu cầu ly hôn với

ông nhưng ông không đồng ý do ông còn thương vợ con và còn muốn hàn gắn gia đình. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông T, cho thấy hôn nhân của bà M và ông T đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà M được ly hôn với ông T.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M và ông T khai thống nhất có 03 con chung tên Lê Trúc A (nữ) sinh ngày 25/5/2002, Lê Thị Gia K (nữ) sinh ngày 07/02/2012 và Lê Gia K (nam) sinh ngày 25/3/2016. Hiện con chung tên Lê Trúc A đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/3/2023, cháu Lê Thị Gia K trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lê Gia K chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của cháu được. Ông T yêu cầu được nuôi con nhưng thường xuyên vắng nhà nên Hội đồng xét xử xét thấy giao hai con chung cho bà M nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được điều kiện chăm sóc và sự phát triển bình thường của các cháu nên yêu cầu nuôi con chung của bà M là có cơ sở chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông T. Giao hai con chung tên Lê Thị Gia K (nữ) sinh ngày 07/02/2012 và Lê Gia K (nam) sinh ngày 25/3/2016 cho bà M nuôi dưỡng. Do bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Văn T không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Quá trình tố tụng bà M và ông T đều yêu cầu được tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà M và ông T có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về nợ chung: Bà M và ông T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Gia K (nữ) sinh ngày 07/02/2012 và Lê Gia K (nam) sinh ngày 25/3/2016 cho bà Nguyễn Thị Trúc M tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà Nguyễn Thị Trúc M không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Lê Văn T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Lê Văn T không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp bà M, ông T có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số 0012246 ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà M đã nộp xong).

6. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M, bị đơn ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Bảy N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đô